

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đới

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân Huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà 23, tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Quốc V, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/11/2022 và các lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn chị N trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Ngô Quốc V từ cuối năm 2010, nhưng đến ngày 01/6/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2021 đến

nay ngày càng trầm trọng do phong cách sống không phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Do vậy, tháng 10 năm 2021 chị đã gửi đơn xin ly hôn anh V tại Tòa án nhân dân Huyện K. Sau khi Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, được gia đình, địa phương khuyên giải để vợ chồng trở lại đoàn tụ, chị đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh V. Tòa án đã ra quyết định chỉ giải quyết vụ án dân sự số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021. Nhưng khi trở lại chung sống, tình cảm không được cải thiện, mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trầm trọng; chị mang con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh V.

Về con chung: Có 02 con là Ngô Quốc H, sinh ngày 30/8/2011 và Ngô Quốc Q, sinh ngày 12/12/2014, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 2 con. Chị không yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ngô Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp và hòa giải, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh V vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh V là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh V. Về con chung: Giao cháu Ngô Quốc H, sinh ngày 30/8/2011 và Ngô Quốc Q, sinh ngày 12/12/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị N xin ly hôn anh V và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh V đang cư trú tại thôn T1, xã T, huyện K; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh V là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, K ngày 01/6/2011. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V được xác định là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Tháng 10 năm 2021 chị N gửi đơn xin ly hôn anh V tại Tòa án nhân dân huyện K, nhưng sau đó đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để vợ chồng trở lại đoàn tụ. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021. Tuy nhiên, sau khi về chung sống, tình cảm không được cải thiện, mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trầm trọng; chị mang con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Xét hôn nhân giữa chị N và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và

gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh V là phù hợp.

[4] Về nuôi con: Anh chị có 02 con chung là Ngô Quốc H, sinh ngày 30/8/2011 và Ngô Quốc Q, sinh ngày 12/12/2014, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị N có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con tốt. Mặt khác, nguyên vọng của cháu H và cháu Q đều muốn được ở với chị N. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các con, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu H và cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của anh V.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ngô Quốc V.
2. Về nuôi con: Giao cháu Ngô Quốc H, sinh ngày 30/8/2011 và Ngô Quốc Q, sinh ngày 12/12/2014 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của anh Ngô Quốc V cho đến khi chị Nguyễn Thị N có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Ngô Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001818 ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện K. Chị Nguyễn Thị N đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Ngô Quốc V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Thị Minh

Đặng Thị Đôi

Phạm Thị Ngà

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND Huyện K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

Phạm Thị Nga

